

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **151** /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Phu**

Ông **Trần Thanh Nghị**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Trà Mi**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:163/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thúy H**, sinh năm: 1989; Cư trú: ấp Vĩnh Phước, xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, An Giang.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1985. Cư trú: ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang.

(Bà H và ông N cùng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị Thúy H nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn N với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông bà được hình thành là do hai người tự tìm hiểu yêu thương nhau trước rồi được cha mẹ đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc chỉ phát sinh mâu thuẫn cách

nay ba tháng. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên gây cãi nhau. Hai người ly thân nhau ba tháng nay. Từ lúc ly thân nhau cha mẹ hai bên không ai đứng ra hàn gắn, tự ông bà giải quyết. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông N.

Trong quá trình chung sống hai người có 01 con chung Nguyễn Lê Thảo Nhi, sinh ngày 29/6/2015; hiện đang sống với bà H. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Đúng như lời trình bày của bà H. Hôn nhân giữa ông bà được hình thành là do thông tự tìm hiểu yêu thương nhau rồi được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú, An Giang. Sau khi kết hôn ông bà sống tại nhà cha mẹ của ông. Cuộc sống chung tương đối hạnh phúc, chúng tôi phát sinh mâu thuẫn cách nay hơn 03 tháng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà H tự ý bỏ nhà đi, nên làm mất hạnh phúc vợ chồng. Nay ông xét thấy có trở về chung sống cũng không còn hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về quan hệ con chung: Như bà H trình bày, ông bà có 01 con chung, nếu ly hôn ông yêu cầu nuôi con. Không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất không có không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Bà H và ông N bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Bà H và ông N là vợ chồng có đăng ký kết hôn và có con chung, hiện con chung đang được bà H nuôi dạy, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và xác định ông N và bà H không còn sống chung nhau và không liên lạc nhau, từ ngày bà H nộp đơn xin ly hôn, ông N biết sự việc nhưng không có ý định hàn gắn, do đó Tòa án giải quyết và thụ lý yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa bà H và ông N tự tìm hiểu, yêu thương, có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Thu được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay bà H xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại biên bản xác minh ngày 28/4/2020, ông Bùi Hữu Nghĩa – phó trưởng ấp Thạnh Phú, xã Khánh An cung cấp thông tin như sau: Hiện ông N vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa phương và chưa chuyển đi nơi khác vẫn có ở nhà không đi đâu xa. Về tình trạng hôn nhân thì chỉ nghe là hai người có mâu thuẫn tình cảm, hiện không sống chung nữa, còn mâu thuẫn do nguyên nhân gì thì ấp không rõ.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Hiện tại bà H xác định là không còn tình cảm với ông N nữa và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với ông N. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm, địa phương biết, gia đình biết cả hai không còn yêu thương nhau.

Trong thời gian ly thân nhưng ông N không quan tâm đến vợ và con, bỏ mặc vợ con, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình, thì ông bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014 “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Bà H có yêu cầu được nuôi con chung xét thấy cháu Nhi từ lúc ông bà ly thân nhau thì cháu sống với mẹ và được bà H chăm sóc tốt, cháu Nhi còn trong độ tuổi cần sự chăm sóc của người mẹ. HĐXX nghĩ nên giao cháu cho bà H tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông N yêu cầu chia tài sản chung nhưng trong quá trình hòa giải ông N cho rằng có nhận văn bản tổng đạt nhưng không đến được nên qua giải thích của Hội đồng xét xử thì ông N đồng ý khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thúy H.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2015 ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thảo Nhi, sinh ngày 29/6/2015 cho bà H nuôi.

Công nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009885 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà H đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/5/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi